**TRƯỜNG THCS TT YÊN VIÊN MỤC TIÊU, MA TRẬN ĐỀ THI**

**MÔN ĐỊA LÍ 9**

**Năm học 2019 – 2020**

**I/ MỤC TIÊU**

***I . Mục tiêu cần đạt :***

***1. Kiến thức :*** *Qua bài kiểm tra đánh giá ,củng cố trình độ nhận thức của học sinh về :*

*- Đặc điểm tự nhiên các vùng kinh tế*

*- Các nhân tố ảnh hưởng, đặc điểm phát triển và phân bố các vùng kinh tế*

***2. Kĩ năng :***

*- Rèn luyện kĩ năng độc lập làm bài ,học bài ,tư duy giải quyết vấn đề đã học .*

*- Củng cố kĩ năng nhận dạng biểu đồ , nhận xét bảng số liệu.*

*- Kĩ năng khai thác kiến thức từ Át lát*

***3. Thái độ :***

*- Giáo dục cho các em ý thức tư duy địa lí để làm bài trên lớp một cách tự lập, có sáng tạo.*

**II/ THIẾT KẾ MA TRẬN ĐỀ**

***CHỦ ĐỀ 1:SỰ PHÂN HÓA LÃNH THỔ***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Tên chủ đề*** | ***Nhận biết*** | ***Thông hiểu*** | ***Vận dụng*** | ***Vận dụng cao*** |
| ***1.Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ*** |  | ***-Ảnh hưởng của tự nhiên tới sự phân bố các cây trồng, vật nuôi chủ yếu*** |  |  |
| ***2.Vùng Đồng bằng sông Hồng*** | ***-Đặc điểm về tự nhiên, phân hóa lãnh thổ***  ***- Giá trị của tự nhiên và TNTN*** | ***-Ảnh hưởng của tự nhiên tới sự phân bố ngành nông nghiệp***  ***- Đánh giá về tiềm năng tự nhiên*** |  |  |
| ***3. Vùng Bắc Trung Bộ*** | ***-Phâ bố các di sản, của khẩu*** | ***- Nhận định các di sản văn hóa*** |  |  |
| ***4.Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ*** | ***--Đặc điểm tự nhiên và phân hóa lãnh thổ***  ***\_*** | ***-Ảnh hưởng của khí hậu tới tự nhiên***  ***-Ảnh hưởng của địa hình tới p/ triển KT*** |  |  |
| ***5.Vùng Tây Nguyên*** |  |  |  |  |
| ***6.Vùng Đông Nam Bộ*** | ***-Địa danh hành chính và phạm vi lãnh thổ***  ***- Đặc điểm tự nhiên*** | ***- Những điều kiệ thuận lợi để trở thành vùng trồng cây công nghiệp lớn nhất cả nước***  ***-Đánh giá về trình độ phát triển kinh tế ngành dịch vụ***  ***-Phòng chống thiên tai, bảo vẹ môi trường*** | ***-Tính tỉ trọng vốn đầu tư nước ngoài*** |  |
| ***7.Vùng Đồng bằng sông Cửu Long*** | ***-Đặc điểm về tự nhiên, phân hóa lãnh thổ***  ***- Giá trị của tự nhiên và TNTN*** | ***-Ảnh hưởng của tự nhiên tới sự phân bố ngành nông nghiệp*** | ***- Tính mật độ dân số***  ***-Tính tỉ trọng diện tích và sản lượng lúa*** | ***-Nhận xét về giá trị ngành thủy sản*** |

***CHỦ ĐỀ 2:ĐỊA LÍ DÂN CƯ VÀ KINH TẾ***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***1.Địa lí dân cư*** | ***-*** | ***- So sánh mật độ dân số giữa các vùng***  ***-Thành tựu về nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân ta*** | ***-Nhận dạng biểu đồ***  ***-Tính mật độ dân số*** | ***-Nhận xét về mật độ dân số giữa các vùng***  ***- Sự thay đổi cơ cấu dân số theo nhóm tuổi*** |
| ***2.Địa lí kinh tế*** | ***-Phân bố các ngành kinh tế***  ***-Biểu hiện phát triển của nền kinh tế*** | ***-Công cuộc đổi mới nề kinh tế của nước ta***  ***-Ý nghĩa của chuyển dịch cơ cấu kinh tế với sự phát triển kinh tế nước ta*** |  | ***-Nhận xét biểu đồ, bảng số liệu*** |

***CHỦ ĐỀ 3:BIỂN VÀ ĐẢO VIỆT NAM***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển – đảo*** | ***- Phạm vi, diện tích vùng biển nước ta***  ***-Phân bố của các hoạt động kinh tế biển*** | ***- Nhận dạng vị trí các đảo***  ***-Đánh giá sự phát triển các ngành kinh tế biển*** | ***Nhận dạng biểu đồ*** | ***-Nhận xét về mật độ dân số giữa các vùng***  ***- Sự thay đổi cơ cấu dân số theo nhóm tuổi*** |

***Yên viên, thứ năm ngày 05 / 02 /2020***

KÍ DUYỆT:

TỔ TRƯỞNG NGƯỜI RA ĐỀ

***Trịnh Hồng Minh***

**TRƯỜNG THCS TT YÊN VIÊN** **ĐỀ THI MÔN : ĐỊA LÍ 9**

Họ và tên**:** (Thời gian 45 phút)

Lớp**:**

**ĐỀ SỐ 1**

***Hãy chọn đáp án đúng cho các cẩu hỏi sau:***

***1.Vùng biển thuộc chủ quyền Việt Nam rộng khoảng:***

A.0,5 triệu km2 B.1 triệu km2 C.2 triệu km2 D. 2,5 triệu km2

***2.Chiều dài đường bờ biển và diện tích vùng biển của nước ta tương ứng là:***

A.2360km và khoảng 1 triệu km2 B.3260 km và khoảng 1 triệu km2

C.3160 km và khoảng 1 triệu km2 D.3460 km và khoảng 1 triệu km2

***3.Vai trò của quần đảo Trường Sa đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc?***

A.Có tiềm năng to lớn trong phát triển kinh tế của đất nước,đặc biệt là kinh tế biển.

B.Có tiềm năng góp phần đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển.

C.Có vị trí quan trọng về mặt quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển đảo quốc gia.

D.Cả 03 phương án trên

***4.Một trong những hoạt động đang được ưu tiên của ngành thủy sản nước ta hiện nay là:***

A.Phát triển khai thác hải sản xa bờ B.Tập trung khai thác hải sản xa bờ

C.Hình thành các cảng cá dọc bờ biển. D.Đầu tư đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

***5.Nghề làm muối của nước ta phát triển mạnh nhất ở vùng ven biển thuộc:***

A.Bắc Bộ B.Bắc Trung Bộ C.Đồng bằng sông Cửu Long D.Nam Trung Bộ

***6.Những thùng dầu đầu tiên được khai thác ở vùng thềm lục địa phía Nam của nước ta vào năm:***

A. 1966 B.1976 C.1986 D. 1996

***7.Phạm vi vùng tiếp giáp lãnh hải của nước ta( tính từ đường cơ sở ra phía biển) rộng khoảng:***

A.10 hải lí B.12 hải lí C 15 hải lí D. 24 hải lí

***8.Trong các tỉnh thuộc Trung du miền núi Bắc Bộ, tỉnh giáp biển là:***

A.Sơn La B.Lạng sơn C.Bắc Giang D.Quảng Ninh

***9.Trong các vùng kinh tế của nước ta, vùng không giáp biển là:***

A.Bắc Trung Bộ B.Tây Nguyên C. Đông Nam Bộ D.Đồng Bằng sông Hồng.

***10.Trong các đảo nước ta, đảo không nằm trong hệ thống các đảo ven bờ là:***

A.Lý Sơn B.Côn Đảo C.Phú Quốc D.Bạch Long Vĩ

***11.Đi từ đất liền ra tới ranh giới vùng biển quốc tế, các bộ phận của vùng biển nước ta lần lượt là:***

A.Lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, nội thủy, đặc quyền kinh tế.

B. Tiếp giáp lãnh hải,lãnh hải, đặc quyền kinh tế, nội thủy

C.Nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, đặc quyền kinh tế

D.Đặc quyền kinh tế,nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải.

***12. Cho bảng số liệu:***

**Cơ cấu giá trị xuất khẩu hàng hóa của nước ta, năm 2002 và năm 2014 (Đơn vị:%)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Năm***  ***Nhóm hàng*** | ***2002*** | ***2014*** |
| ***Công nghiệp nặng và khoáng sản*** | ***31,8*** | ***44,0*** |
| ***Công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp.*** | ***40,6*** | ***39,4*** |
| ***Hàng nông, lâm, thủy sản và hàng khác*** | ***27,6*** | ***16,6*** |

***Nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi cơ cấu giá trị hàng hóa xuất khẩu phân theo nhóm hàng của nước ta, giai đoạn 2002 – 2014?***

A.Tỉ trọng giá trị xuất khẩu hàng công nghiệp nặng và khoáng sản giảm

B.Tỉ trọng giá trị xuấ khẩu hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp giảm mạnh nhất.

C.Tỉ trọng giá trị xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy sản và hàng khác giảm mạnh nhất.

D.Tỉ trọng giá trị xuất khẩu phân theo các nhóm hàng hầu như không thay đổi.

***13. Quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh( thành phố):***

A.Đà Nẵng B.Hải Phòng C.Khánh Hòa D. Bà Rịa Vũng Tàu

***14. Ô nhiễm môi trường biển sẽ không dẫn đến hậu quả:***

A.Ảnh hưởng đến hệ sinh thái rừng B.Tác động đến đời sống của ngư dân

C.Làm suy giảm tài nguyên sinh vật biển. D.Ảnh hưởng xấu đến chất lượng các khu du lịch biển

***15.Nước ta có đường bờ biển dài 3260 km, từ:***

A.Điện Biên đến Cà Mau B.Quảng Ninh đến Hà Tiên

C.Hà Giang đến Hà Giang D.Quảng Ninh đến Cà Mau.

***16.Cao su, hồ tiêu, điều được trồng nhiều ở:***

A.Đông Nam Bộ B.Duyên Hải Nam Trung Bộ C.Trung du và miền núi Bắc Bộ. D.Tây Nguyên

***17. Cơ cấu kinh tế theo ngành của nước ta đang chuyển dịch theo hướng giảm tỉ trọng của:***

A.Công nghiệp, xây dựng; tăng tỉ trọng nông, lâm, ngư nghiệp và dịch vụ.

B.Nông, lâm, ngư nghiệp;tăng tỉ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ.

C.Công nghiệp, dịch vụ; tăng tỉ trọng nông, lâm, ngư nghiệp.

D.Dịch vụ; tăng tỉ trọng nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp, xây dựng.

***18. Cho bảng số liệu:***

**Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên nước ta giai đoạn 1999 – 2014**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Năm*** | ***1999*** | ***2002*** | ***2005*** | ***2009*** | ***2014*** |
| ***Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên(%)*** | ***1,63*** | ***1,32*** | ***1,33*** | ***1,08*** | ***1,043*** |

***Biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất thể hiện tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên nước ta***

***giai đoạn 1999 - 2014***

A.Biểu đồ tròn A.Biểu đồ cột C.Biểu đồ miền D.Biểu đồ đường.

***19.Loại hình vận tải vận chuyển được một khối lượng hàng hóa lớn nhất ở nước ta là:***

A.Đường sắt B.Đường sông C.Đường bộ D.Đường biển

***20.Hiện nay, kinh tế nước ta đang trên đà phát triển. Một trong những biểu hiện của nó là:***

A.Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao

B.Trong cơ cấu kinh tế tỉ trọng của dịch vụ tăng rất nhanh.

C.Trong cơ cấu kinh tế tỉ trọng các ngành đều tăng.

D.Trong cơ cấu kinh tế tỉ trọng của khu vực nông, lâm, ngư nghiệp đang tăng.

***21.Trong quá trình công nghiệp hóa:***

A.Tỉ lệ dân số đô thị tăng lên B.Tỉ lệ dân nông thôn tăng lên

C.Tỉ lệ dân đô thị và nông thôn cùng tăng D.Tỉ lệ trẻ em sẽ tăng lên

***22.Một trong những thuận lợi của Đồng bằng sông Hồng là:***

A.Có sông lớn nhất chảy qua B.Diện tích đất nông nghiệp lớn nhất nước

C.Thành phố lớn nhất nước D.Kết cấu hạ tầng nông thôn tốt nhất cả nước

***23.Chợ là một hoạt động thuộc lĩnh vực:***

A.Nội thương B.Cung cấp C.Ngoại thương D.Thu hút đầu tư

***24.Thị trường lớn nhất của nước ta hiện nay là:***

A.Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương B.Châu Mĩ

C.Châu Âu D.Ôxtralia

***25.Nhà máy thủy điện Trị An nằm ở tỉnh nào sau đây:***

A.Đồng Nai B.Bình Dương C.Tây Ninh D.Bình Phước

***26.Trong các mặt hàng xuất khẩu chủ lực sản xuất ở Đông Nam Bộ, không có mặt hàng nào sau đây:***

A.Dầu thô B.Thực phẩm chế biến C.Hàng dệt may D.Lúa gạo

***27.Các đảo lớn ở vịnh Bắc Bộ của nước ta là:***

A.Cái Bầu, Cát Bà, Bạch Long Vĩ B.Cái Bầu , Phú Quý, Côn Đảo

C.Cồn Cỏ, Lý Sơn, Phú Quý D.Bạch Long Vĩ, Cồn Cỏ, Lý Sơn

***28.Cho bảng số liệu:***

**Tình hình khai thác và xuất khẩu dầu thô của nước ta( Đơn vị: triệu tấn)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Năm*** | ***1999*** | ***2000*** | ***2001*** | ***2002*** |
| ***Khai thác*** | ***15,2*** | ***16,2*** | ***16,8*** | ***16,9*** |
| ***Xuất khẩu*** | ***14,9*** | ***15,4*** | ***16,7*** | ***16,9*** |

***Nhận xét nào sau đây đúng với sự thay đổi về sản lượng khai thác và xuất khẩu dầu thô***

***của nước ta.***

A.Sản lượng xuất khẩu tăng tương đương với sản lượng khai thác

B.Sản lượng khai thác và xuất khẩu dầu thô đều tăng liên tục.

C.Sản lượng xuất khẩu gần tương đương với sản lượng nhập khẩu

D.Hầu như toàn bộ sản lượng dầu thô khai thác đều được xuất khẩu

***29.Cho bảng số liệu sau đây:***

**Số dân và diện tích của Hà Nội Và Thành phố Hồ Chí Minh**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Địa phương*** | ***Diện tích(km2)*** | ***Số dân(nghìn người)*** |
| ***Hà Nội*** | ***3324,5*** | ***7216,0*** |
| ***TP Hồ Chí Minh*** | ***2095,5*** | ***8146,3*** |

( Nguồn : Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

***Mật độ dân số của Hà Nội và TP Hồ Chí Minh năm 2015 lần lượt là***:

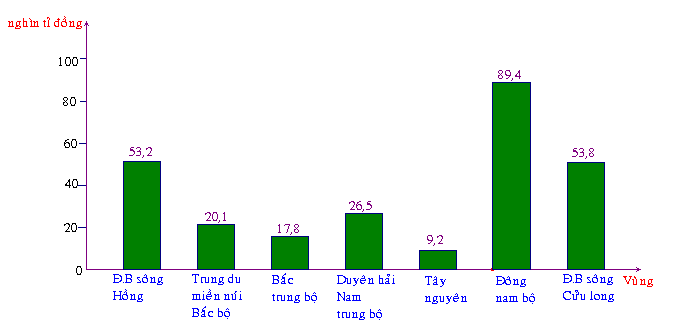
A.4607 người/km2 và 2572 người/km2 B.2572 người/km2 và 4607 người/km2

C.3888 người/km2 và 2171 người/km2 D.2171 người/km2 và 3888 người/km2

***30.Cây công nghiệp lâu năm nào sau đây được trồng nhiều ở Đồng bằng sông Cửu Long?***

A.Cao su B.Cà phê C.Dừa D.Chè

***31. Cho biểu đồ tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng phân theo vùng, năm 2002***



***Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây:***

A.Mạng lưới bán lẻ phân bố rộng khắp các vùng trong nước.

B.Hoạt động nội thương tập trung nhiều nhất ở vùng Đông Nam Bộ và hai đồng bằng lớn.

C.Vùng Tây Nguyên có hoạt động nội thương kém nhất

D.Mức độ tập trung hoạt động nội thương khác nhau giữa các vùng.

***32.Địa danh du lịch Tam Đảo thuộc tỉnh, thành phố nào sau đây:***

A.Ninh Bình B.Vĩnh Phúc C.Nam Định D.Hà Nội

***33.Dựa vào Atlats Địa lí Việt Nam trang 20, hãy cho biết những tỉnh nào sau đây dẫn đầu về sản lượng khai thác thủy sản:***

A.Kiên Giang, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Thuận. B.Kiên Giang, An Giang, Cần Thơ

C.Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Bình. D.An Giang, Đồng Tháp, Cần Thơ.

***34.Dựa vào Atlats trang 17, hãy cho biết vùng kinh tế nào sau đây ở nước ta có nhiều trung tâm kinh tế nhất cả nước:***

A.Trung du và miền núi Bắc Bộ B.Đồng bằng sông Hồng

C.Đông Nam Bộ D.Đồng bằng sông Cửu Long

***35.Ở Bắc Trung Bộ, cửa khẩu Lao Bảo thuộc tỉnh nào sau đây:***

A.Nghệ An B.Hà Tĩnh C.Quảng Bình D. Quảng Trị

***36.Cho bảng số liệu:***

**Độ che phủ rừng của các tỉnh ở Tây Nguyên, năm 2014**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Các tỉnh*** | ***Kon Tum*** | ***Gia Lai*** | ***Đăk Lăk*** | ***Đắk Nông*** | ***Lâm Đồng*** |
| ***Độ che phủ rừng(%)*** | ***62,4*** | ***40,1*** | ***38,7*** | ***39,0*** | ***52,5*** |

***Tỉnh nào sau đây có độ che phủ rừng cao nhất và thấp nhất ở Tây Nguyên năm 2014?***

A.Kon Tum, Đắk Lắk B.Gia Lai, Lâm Đồng

C.Đắk Nông, Gia Lai D.Lâm Đồng, Kon Tum

***37. Cho bảng số liệu:***

**Sản lượng thủy sản Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ, năm 2015.**

( Đơn vị: nghìn tấn)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Vùng***  ***Sản lượng*** | ***Bắc Trung bộ*** | ***Duyên hải nam Trung Bộ*** |
| ***Khai thác*** | ***328,0*** | ***845,8*** |
| ***Nuôi trồng*** | ***138,0*** | ***86,4*** |

***Nhận xét nào sau đây đúng với bảng số liệu trên?***

A.Tổng sản lượng thủy sản của Băc Trung Bộ lớn hơn Duyên hải Nam Trung Bộ

B.Sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng ở Duyên hải Nam Trung Bộ đều lớn hơn Bắc Trung Bộ

C.Sản lượng thủy sản khai thác ở Duyên hải Nam Trung Bộ nhỏ hơn Bắc Trung Bộ.

D.Sản lượng thủy sản nuôi trồng ở Bắc Trung Bộ lớn hơn Duyên Hải Nam Trung Bộ

***38. Phát biểu nào sau đây không là thành tựu về nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân trong những năm qua:***

A.Tỉ lệ người lớn biết chữ ngày càng cao

B.Người dân được hưởng các dịch vụ xã hội ngày càng tốt hơn

C.Chất lượng cuộc sống dân cư giữa các vùng không còn chênh lệch

D.Tỉ lệ tử vong, suy dinh dưỡng ở trẻ em ngày càng giảm.

***39.Dựa vào Atlats trang 15, hãy cho biết các tỉnh nào sau đây có mật độ dân số cao bặc nhất cả nước:***

A.An Giang, Kiên Giang, Cà Mau B.Thái Bình, Hưng Yên, Bắc Ninh

C.Vĩnh Phúc, Bắc Giang, Thanh Hóa D.Vĩnh Long, Bạc Liêu, Hậu Giang

***40. Cho bảng số liệu:***

**Sản lượng dầu thô khai thác, khí tự nhiên, dầu thô xuất khẩu của nước ta**

**giai đoạn 2000 – 2015**.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Năm***  ***Sản lượng*** | ***2000*** | ***2005*** | ***2010*** | ***2015*** |
| ***Dầu thô khai thác (triệu tấn)*** | ***16,3*** | ***18,5*** | ***15,0*** | ***18,7*** |
| ***Khí tự nhiên (tỉ m3)*** | ***1,6*** | ***6,4*** | ***9,4*** | ***10,7*** |
| ***Dầu thô xuất khẩu ( triệu tấn)*** | ***15,4*** | ***18,0*** | ***8,1*** | ***9,2*** |

***Lấy sản lượng dầu thô, khí tự nhiên và dầu thô xuất khẩu năm 2000 = 100%, biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tình hình tăng trưởng sản lượng dầu thô khai thác, khí tự nhiên, dầu thô xuất khẩu là:***

A.Tròn B.Đường C.Cột D.Kết hợp.

**TRƯỜNG THCS TT YÊN VIÊN** **ĐỀ THI MÔN : ĐỊA LÍ 9**

Họ và tên**:** (Thời gian 45 phút )

Lớp**:**

**ĐỀ SỐ 2**

***Hãy chọn đáp án đúng cho các cẩu hỏi sau:***

***1.Hệ thống đảo ven bờ nước ta phân bố tập trung nhất ở vùng biển thuộc các tỉnh, thành phố sau:***

A.Thanh Hóa, Đà Nẵng, Bình Định, Kiên Giang.

B.Thái Bình, Phú Yên,Ninh Thuận, Bạc Liêu.

C.Quảng Bình, Quảng Ngãi,Bình Thuận, Sóc Trăng.

D.Quảng Ninh, Hải Phòng,Khánh Hòa, Kiên Giang.

***2. Dựa vào Atlats trang 15, hãy cho biết các tỉnh nào sau đây có mật độ dân số thấp nhất?***

A.Tây Ninh, Cà Mau, An Giang B.Bình Phước, Bình Dương, Bình Thuận

C.Kon Tum, Quảng Nam, Lai Châu. D.Hà Giang, Thái Nguyên, Phú Thọ

***3.Dựa vào Atlats trang 29, hãy cho biết nhận xét nào sau đây đúng với đặc điểm địa hình vùng Đông Nam Bộ:***

A.Có nhiều cao nguyên B.Có nhiều dãy núi cao

C.Sông ngòi chằng chịt D.Bán bình nguyên, thấp thoải

***4.Vùng Bắc Trung Bộ có di sản thiên nhiên thế giới nào sau đây:***

A.Cố đô Huế B.Bãi tắm Thiên Cầm

C.Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng D.Vườn quốc gia Vũ Quang.

***5.Các tỉnh, thành phố không thuộc vùng Bắc Trung Bộ là:***

A.Nghệ An, Thanh Hóa, Quảng Trị B.Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình

C.Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi D. Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế

***6. Cho bảng số liệu:***

**Sản lượng thủy sản giá trị sản xuất thủy sản( theo giá so sánh 2010) của**

**Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước, năm 2014**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Tiêu chí***  ***Vùng*** | ***Sản lượng***  ***(nghìn tấn)*** | ***Giá trị sản xuất***  ***(tỉ đồng)*** |
| ***Đồng bằng sông Cửu Long*** | ***3.619,5*** | ***128.343,0*** |
| ***Cả nước*** | ***6.332,6*** | ***217.432,7*** |

***Để biểu hiện cơ cấu sản lượng thủy sản và giá trị sản xuất thủy sản của Đồng bằng sông Cửu Long so với cả nước, thích hợp nhất là biểu đồ.***

A.Tròn B.Cột C.Miền D.Kết hợp

***7.Nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng và giá trị sản xuất thủy sản của Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước năm 2014?***

A.Sản lượng thủy sản của Đồng bằng sông Cửu Long chiếm 59% cả nước

B.Giá trị sản xuất thủy sản Đồng bằng sông Cửu Long chiếm 57,1% cả nước

C.Sản lượng thủy sản của Đồng bằng sông Cửu Long chiếm 57,1% cả nước

D.Giá trị sản xuất thủy sản của Đồng bằng sông Cửu Long chiếm dưới 50% cả nước

***8.Loại tài nguyên thiên nhiên quan trọng nhất của Đồng bằng sông Hồng là:***

A.Than đá B.Rừng C.Đất phù sa D.Hải sản

***9.Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long là hai vùng có sự giống nhau về:***

A.Khí hậu B.Địa hình C.Số dân D.Sản lượng công nghiệp.

***10.Hai khu vực tập trung công nghiệp lớn nhất của nước ta là:***

A.Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ

B.Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long

C.Đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Nam Trung Bộ

BD.Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

***11.Bán đảo Sơn Trà thuộc tỉnh , thành phố:***

A.Quảng Ninh. B. Đà Nẵng C.Khánh Hòa D. Kiên Giang

***12. Đảo Phú Quý thuộc tỉnh:***

A.Quảng Ninh B. Bình Định C.Bình Thuận D. Bà Rịa Vũng Tàu

***13.Vùng có thu nhập bình quân theo đầu người cao nhất nước ta hiện nay là:***

A.Đồng bằng sông Hồng B.Đông Nam Bộ C.Bắc Trung Bộ D.Tây Nguyên

***14. Cho bảng số liệu:*Giá trị xuất, nhập khẩu của nước ta giai đoạn 2005 – 2016**

**( Đơn vị: triệu USD)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Năm***  ***Giá trị*** | ***2005*** | ***2010*** | ***2012*** | ***2016*** |
| ***Xuất khẩu*** | ***32 447,1*** | ***72 236,7*** | ***114 529,2*** | ***176 580,8*** |
| ***Nhập khẩu*** | ***36 761,1*** | ***84 838,6*** | ***113 780,4*** | ***174 803,8*** |

( Nguồn: Tổng cục thống kê 2018)

***Nhận xét nào sau đây đúng về giá trị xuất, nhập khẩu của nước ta giai đoạn 2005 – 2016***

A.Giá trị xuất khẩu tăng nhanh hơn giá trị nhập khẩu.

B.Giá trị xuất khẩu tăng, giá trị nhập khẩu giảm.

C.Giá trị xuất khẩu luôn cao hơn giá trị nhập khẩu.

D.Giá trị nhập khẩu luôn lớn hơn giá trị xuất khẩu.

***15. Cho bảng số liệu:***

**Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi ở nước ta, năm 2005 và năm 2014 ( Đơn vị :%)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Năm***  ***Nhóm tuổi*** | ***2005*** | ***2014*** |
| ***Từ 0 đến 14 tuổi*** | ***27,0*** | ***23,5*** |
| ***Từ 15 đến 59*** | ***64,0*** | ***66,4*** |
| ***Từ 60 tuổi trở lên*** | ***9,0*** | ***10,1*** |

***Nhận xét nào sau đây không đúng về cơ cấu và sự thay đổi cơ cấu dân số theo nhóm tuổi ở nước ta, giai đoạn 2005 – 2014?***

A.Nhóm tuổi từu 0 đến 14 giảm về tỉ trọng. B.Nhóm tuổi từ 15 đén 59 tăng tỉ trọng

C.Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi ổn định. D.Nhóm tuổi từ 60 trở lên có tỉ trọng nhỏ nhất.

***16.Nước ta có một số tuyến đường nối miền Bắc với miền Nam như:***

A.Đường số 1A, đường Hồ Chí Minh, đường số 4.

B.Đường số 1A, đường số 9, đường sắt Thống Nhất

C.Đường số 6, đường Hồ Chí Minh, đường săt Thống Nhất.

D.Đường số 1A, đường Hồ Chí Minh, đường sắt Thống Nhất.

***17.Những vùng có mật độ dân số thấp hơn mật độ dân số trung bình của cả nước hiện nay là:***

A.Tây Bắc, Tây Nguyên. B. Đông Nam Bộ và Tây Nguyên

C.Đông Bắc, Bắc Trung Bộ C.Duyên Hải Nam Trung Bộ, Tây Băc.

***18.Trong cơ cấu công nghiệp của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, chiếm tỉ trọng lớn nhất là ngành:***

A.Vật liệu xây dựng. B.Chế biến lương thực – thực phẩm.

C.Cơ khí nông nghiệp C.Dệt – may

***19.Điểm chung của các tỉnh Bắc Trung Bộ và Duyên Hải Nam Trung Bộ là:***

A.Địa hình gồm vùng núi và đồi gò ở phía đông, đồng bằng ở ven biển phía tây

B.Địa hình gồm vùng núi và đồi gò ở phía tây, đồng bằng ở ven biển phía đông.

C.Tất cả các tỉnh đều có biên giới với nước ngoại ở phía tây, bờ biển ở phía đông.

D.Tất cả các tỉnh đều có bien giới với nước ngoài ở phái đông, bờ biển ở phía tây.

***20. Vùng nội thủy nước ta được xác định:***

A.Từ ranh giới đường bờ biển ra đến đường cơ sở

B.Từ ranh giới đường bờ biển ra đến vùng lãnh hải

C.Từ ranh giới đường bờ biển ra đén vùng lãnh hải

D.Từ ranh giới đường bờ biển ra đến vùng tiếp giáp lãnh hải.

***21.Phạm vi vùng lãnh hải của nước ta rộng khoảng:***

A.10 hải lí B.12 hải lí C. 15 hải lí D.24 hải lí

***22.Dựa vào Atlat trang 23, hãy cho biết các cửa khẩu quốc tế nào sau đây ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long:***

A.Xà Xía, Lệ Thanh, Lao Bảo. Nậm Cắn B.Xà Xía, Tịnh Biên, Vĩnh Xương, Dinh Bà.

C.Hữu Nghị,Tây Trang, Cha Lo,Bờ Y D.Xa Mát, Tịnh Biên, Mộc Bài, Hoa Lư

***23.Cho bảng số liệu:***

**Tổng số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam, năm 2105**

(Đơn vị: triệu USD)

|  |  |
| --- | --- |
| ***Vùng*** | ***Vốn đầu tư*** |
| ***Cả nước*** | ***281.882,5*** |
| ***Đông Nam Bộ*** | ***122.544,5*** |
| ***Các vùng khác*** | ***159.338,0*** |

***Vùng Đông Nam Bộ chiếm bao nhiêu % tổng số vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, năm 2015?***

A.34,4% B.56,6% C.43,5% D.65,6%

***24.Khí hậu nhiệt đới có mùa đông lạnh tạo điều kiện cho Đồng bằng sông Hồng:***

A.Đưa vụ đông thành vụ sản xuất chính B.Tăng thêm một vụ lúa

C.Trồng thêm nhiều loại cây nhiệt đới D.Tăng diện tích nuôi trồng thủy sản

***25.Hoạt động thương mại bao gồm:***

A.Nội thương và dịch vụ B.Ngoại thương và du lịch

C.Nội thương và ngoại thương D.Nội thương và du lịch

***26.Dựa vào Atlats Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết thứ tự từ Bắc xuống Nam các bãi tắm của Bắc Trung Bộ:***

A.Sầm Sơn, Cửa Lò, Thiên Cầm, Đá Nhảy, Lăng Cô

B.Cửa Lò, Sầm Sơn, Đá Nhảy, Thiên Cầm, Lăng Cô

C.Sầm Sơn, Thiên Cầm, Cửa Lò, Lăng Cô, Đá Nhảy

D.Đá Nhảy. Sầm Sơn, Cửa Lò, Lăng Cô, Thiên Cầm

***27.Trong các quần đảo sau, quần đảo nằm trong vịnh Thái Lan thuộc chủ quyền nước ta là:***

A.Quần đảo Cô Tô B.Quần đảo Thổ Chu C. Quần đảo Hoàng Sa D.Quần đảo Trường Sa

***28. Tổng trữ lượng hải sản ở vùng biển nước ta vào khoảng:***

A.2 triệu tấn B.3 triệu tấn C.4 triệu tấn D.5 triệu tấn

***29.Du lịch biển của nước ta hiện nay mới chỉ chủ yếu tập trung khai thác hoạt động:***

A.Lặn biển B.Tắm biển. C.Khám phá các đảo D.Thể thao trên biẻn

***30. Đà Lạt là thành phố du lịch nổi tiếng trên cao nguyên nhờ lợi thế về:***

A.Sinh thái và văn hóa B. Lịch sử và văn hóa

C.Công nghiệp và sinh thái D.Sụ phát triển công nghiệp

***31.Thành phố tương đương cấp tỉnh không giáp biển của nước ta là:***

A.Cần Thơ B.Đà Nẵng C. Hải Phòng D. Thành phố Hồ Chí Minh

***32. Cho bảng số liệu:***

**Số thuê bao điện thoại và Internet ở nước ta giai đoạn 2005 – 2014 ( Đơn vị: nghìn thuê bao)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Tiêu chí***  ***Năm*** | ***Số thuê bao điện thoại*** | ***Số thuê bao Internet*** |
| ***2005*** | ***15 845,0*** | ***210,0*** |
| ***2010*** | ***124 311,1*** | ***3 643,7*** |
| ***2014*** | ***142 548,1*** | ***6 000,5*** |

***Nhận xét nào sau đây đúng về số thuê bao điện thoại và Internet ở nước ta***

***giai đoạn 2005 – 2014?***

A.Số thuê bao điện thoại tăng 28 lần

B.Số thuê bao Internet tăng 8,9 lần

C.Số thuê bao điện thoại tăng chậm hơn thuê bao Internet.

D.Số thuê bao điện thoại tăng nhanh hơn thuê bao Internet

***33.Dựa vào Atlats trang 16, hãy cho biết các dân tộc ít người nào sau đây cư trú chủ yếu ở Trung du và miền núi Bắc Bộ:***

A.Gia rai, Ê đê, Chăm, Ra glai, Chu ru B.Tày, Nùng,Thái,Mường,Dao, Mông

C.Khơ Me, Chăm, Hoa, Cơ Ho, Rơ Măm D.Ba Na, Xơ đăng, Bru Vân Kiều, X Tiêng

***34.Tiểu vùng Tây Bắc thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ có thế mạnh chủ yếu nào sau đây:***

A.Phát triển thủy điện B.Phát triển nhiệt điện

B.Khai thác khoáng sản D.Nuôi trồng, đánh bắt hải sản

***35.Điều kiện quyết định sự phát triển ngành nông nghiệp nước ta là:***

A.Địa hình và đất đai B.Khí hậu và đất đai

B.Dân cư và lao động D.Nguồn nước và tài nguyên sinh vật

***36.Đối với sự nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trong số các ngành kinh tế biển thì công nghiệp dầu khí được đánh giá là:***

A.Ngành không có ý nghĩa gì.

B.Ngành kinh tế biển quan trọng.

C.Không quan trọng bằng các ngành kinh tế biển khác

D.Ngành kinh tế biển mũi nhọn,chiếm vị trí quan trọng hàng đầu

***37.Trong các tỉnh dưới đây, tỉnh không giáp biển là:***

A.Gia Lai B.Bến Tre C.Quảng Trị D.Ninh Bình

***38.Huyện Côn Đảo thuộc tỉnh:***

A.Bến Tre B. Trà Vinh C.Bình Định D. Bà Rịa - Vũng Tàu

***39.Các mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ yếu của nước ta là:***

A.Thóc và cá biển B. Thóc và sản phẩm cây công nghiệp

C.Gạo và các sản phẩm cây công nghiệp D.Cà phê và gỗ

***40.Cho biểu đồ sau đây:***

. 

***Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây:***

A.Chỉ số đàn lợn và đàn gia cầm tăng nhanh nhất

B.Chỉ số đàn trâu không tăng chủ yếu do kết quả cơ giới hóa nông nghiệp, nhu cầu về sức kéo giảm.

C.Chỉ số đàn bò có lúc tăng, có lúc giảm.

D. Nhờ giải quyết tốt nguồn thức ăn cho chăn nuôi nên chỉ số các ngành đều tăng.

**Trường THCS TT Yên Viên**

**ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM**

**ĐỀ THI Môn : ĐỊA LÍ 9**

**1 CÂU = 0,25 ĐIỂM**

**ĐỀ 1 ĐỀ 2**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Câu** | **Đáp án** |  | **Câu** | **Đáp án** | **Câu** | **Đáp án** |
| **1** | **B** | **21** | **A** | **1** | **D** | **21** | **B** |
| **2** | **B** | **22** | **D** | **2** | **C** | **22** | **D** |
| **3** | **D** | **23** | **A** | **3** | **D** | **23** | **C** |
| **4** | **B** | **24** | **A** | **4** | **C** | **24** | **A** |
| **5** | **D** | **25** | **A** | **5** | **C** | **25** | **C** |
| **6** | **C** | **26** | **D** | **6** | **A** | **26** | **A** |
| **7** | **D** | **27** | **A** | **7** | **C** | **27** | **B** |
| **8** | **D** | **28** | **D** | **8** | **C** | **28** | **C** |
| **9** | **B** | **29** | **D** | **9** | **A** | **29** | **B** |
| **10** | **D** | **30** | **C** | **10** | **A** | **30** | **A** |
| **11** | **C** | **31** | **D** | **11** | **B** | **31** | **A** |
| **12** | **C** | **32** | **B** | **12** | **C** | **32** | **C** |
| **13** | **C** | **33** | **A** | **13** | **D** | **33** | **B** |
| **14** | **A** | **34** | **C** | **14** | **A** | **34** | **A** |
| **15** | **B** | **35** | **D** | **15** | **C** | **35** | **B** |
| **16** | **A** | **36** | **A** | **16** | **D** | **36** | **D** |
| **17** | **B** | **37** | **D** | **17** | **A** | **37** | **A** |
| **18** | **D** | **38** | **C** | **18** | **B** | **38** | **D** |
| **19** | **C** | **39** | **B** | **19** | **B** | **39** | **B** |
| **20** | **A** | **40** | **B** | **20** | **A** | **40** | **A** |

***Yên viên, thứ năm ngày 05 /02 /2020***

KÍ DUYỆT:

TỔ TRƯỞNG NGƯỜI RA ĐỀ

Trịnh Hồng Minh